

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 12-3-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Hứa Phận

Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần L.

Địa chỉ: Tầng A, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số B đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Quyền Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thanh T1 - Chuyên viên khách hàng cá nhân Phòng G trực thuộc Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh S (có mặt).

Địa chỉ nhận thông báo của Tòa án: Ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Kim T3, sinh năm 1953 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2023 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L (gọi tắt ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Thanh T1 trình bày:

Bà Huỳnh Thị T2 và ông Huỳnh Kim T3 vay vốn tại Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh S – PGD T theo Hợp đồng tín dụng số HDTD38B201900239 ngày 25/11/2019, số tiền vay 20.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng, phương thức cho vay từng lần, trả hàng tháng vào ngày 20, trả 48 kỳ, 47 kỳ đầu trả 416.000 đồng/kỳ, kỳ cuối trả 448.000 đồng, bắt đầu trả ngày 20/12/2019. Mục đích vay mua sắm thiết bị, nội thất gia đình, lãi suất 17%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng, phía ngân hàng nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn nhưng bà T2, ông T3 vẫn tránh mặt và không thanh toán nợ.

Bị đơn không thanh toán nợ từ ngày 20/3/2021 đến ngày 01/4/2023 là 20.039.585 đồng, trong đó gốc quá hạn 13.760.000 đồng, lãi quá hạn 3.113.678 đồng, lãi chậm trả gốc 2.788.064 đồng, lãi chậm trả lãi 377.843 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ tính đến ngày 12/3/2024 tổng số tiền 23.782.654 đồng gồm nợ gốc 13.760.000 đồng, lãi trong hạn 3.335.383 đồng, lãi chậm trả gốc 6.049.756 đồng, lãi chậm trả lãi 637.515 đồng. Ngoài ra yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký đến khi thanh toán xong nợ.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/3/2024 của Tòa án đối với bị đơn bà Huỳnh Thị T2, bà T2 có lời trình bày:

Bà và chồng là ông Huỳnh Kim T3 có ký hợp đồng vay vốn số HDTD38B201900239 ngày 25/11/2019 tại Ngân hàng TMCP L chi nhánh S – PGD T số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn 48 tháng, sau khi vay chỉ trả vốn lãi được một phần thì không còn khả năng trả nợ. Bà thừa nhận còn nợ vốn và lãi như ngân hàng trình bày và đồng ý trả vốn, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký với ngân hàng. Hiện nay sức khỏe đã già yếu không còn khả năng lao động để có thu nhập trả nợ cho ngân hàng nên yêu cầu được trả dần theo khả năng.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/02/2024 của Tòa án đối với bị đơn ông Huỳnh Kim T3, ông T3 có lời trình bày:

Ông và vợ là bà Huỳnh Thị T2 có ký hợp đồng vay vốn số HDTD38B201900239 ngày 25/11/2019 tại Ngân hàng TMCP L chi nhánh S – PGD T số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn 48 tháng, sau khi vay chỉ trả vốn lãi được một phần thì không còn khả năng trả nợ. Ông thừa nhận còn nợ vốn và lãi như ngân hàng trình bày và đồng ý trả vốn, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký với ngân hàng. Nhưng hiện tại vợ chồng không còn khả năng trả nợ nên yêu cầu Tòa án xem xét tạo điều kiện cho trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy

đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự giữa tổ chức tín dụng với cá nhân. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung: Các đương sự đều thừa nhận, thông qua Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD38B201900239 ngày 25/11/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần L đã giải ngân cho bà T2, ông T3 vay số tiền vốn 20.000.000 đồng để mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T2, ông T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ, không tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận, để phát sinh nợ quá hạn, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T2, ông T3 trả số tiền còn nợ tính đến ngày 12/3/2024 tổng số tiền 23.782.654 đồng gồm nợ gốc 13.760.000 đồng, lãi trong hạn 3.335.383 đồng, lãi chậm trả gốc 6.049.756 đồng, lãi chậm trả lãi 637.515 đồng. Bà T2, ông T3 thừa nhận nợ nhưng xin được trả dần. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do các đương sự đều thừa nhận. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T2, ông T3 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 23.782.654 đồng.

[3] Về thời gian trả nợ: Bà T2, ông T3 xin trả dần số tiền còn nợ nhưng không nêu rõ cụ thể trả bao nhiêu, thời gian thế nào, nguyên đơn không đồng ý cho trả dần, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bà T2, ông T3 là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần L.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T2 và ông Huỳnh Kim T3 cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền còn nợ tính đến ngày 12/3/2024 tổng số tiền 23.782.654 đồng gồm nợ gốc 13.760.000 đồng, lãi trong hạn 3.335.383 đồng, lãi chậm trả gốc 6.049.756 đồng, lãi chậm trả lãi 637.515 đồng. Bà Huỳnh Thị T2 và ông Huỳnh Kim T3 còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/3/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD38B201900239 ngày 25/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần L tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.990 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000440 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Bà Huỳnh Thị T2 và ông Huỳnh Kim T3 được miễn nộp án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp

